UBND XÃ KIẾN ĐỨC
TRƯỜNG MN HOA HỒNG
Số: 83 /KH-MNHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiến Đức, ngày 07 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CHO TRẺ NĂM HỌC 2026 – 2027

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ tiền đóng học phí đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ GD&ĐT - Bộ Lao động - TB&XH - Bộ Tài chính quy định quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chính sách phổ cậpgiáo dục mầm non;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ mầm non nhà trẻ, học sinh, sinh viên

Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non năm học 2026 – 2027 của UBND xã Tà Đùng,

Trường Mầm non Hoa Hồng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chế độ, chính sách cho trẻ trong năm học 2026 – 2027 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, công khai và kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với trẻ mẫu giáo trong năm học 2026–2027.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật, trẻ em hộ nghèo/cận nghèo và trẻ em dân tộc thiểu số được đến trường, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Nâng cao tỷ lệ huy động trẻ ra lớp và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Yêu cầu:

- Việc rà soát, thu nộp, thẩm định hồ sơ phải thực hiện đúng đối tượng, đúng quy trình, minh bạch và hoàn thành đúng thời hạn quy định.

- Quản lý, sử dụng, chi trả kinh phí đúng mục đích, công khai tài chính, lưu trữ chứng từ thanh quyết toán đầy đủ theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo (Theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)

Đối tượng: Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (từ 5 đến 6 tuổi) đang học tại nhà trường thuộc các trường hợp:

- Có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Là con liệt sĩ, con Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh/bệnh binh.

- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

- Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng (mồ côi...).

- Trẻ em ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi, hải đảo.

Mức hỗ trợ: 160.000 đồng/trẻ/tháng.

Thời gian hưởng: Theo số tháng học thực tế, tối đa không quá 9 tháng/năm học.

2. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí (Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)

Chính sách hỗ trợ chi phí học tập:

Đối tượng: Trẻ mẫu giáo mồ côi cả cha lẫn mẹ; trẻ em khuyết tật; trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định. Trẻ em ở vùng có điều kiện kinh tế

- xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi, hải đảo.

Mức hỗ trợ: Theo định mức hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP (chi trả trực tiếp cho cha mẹ/người giám hộ để mua sắm sách vở, đồ dùng học tập).

Thời gian hưởng: Theo số tháng đi học thực tế, không quá 9 tháng/năm học.

Chính sách miễn, giảm học phí: Thực hiện xét duyệt miễn, giảm học phí cho các nhóm đối tượng ưu tiên theo đúng quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

3. Chính sách giáo dục đối với trẻ em khuyết tật (Theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC)

Đối tượng: Trẻ em khuyết tật có giấy xác nhận mạo nhận/xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền đang học hòa nhập tại trường.

Chế độ được hưởng:

Học bổng học tập và hỗ trợ kinh phí mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cá nhân theo quy định tại TTLT 42/2013.

Mức miễn, giảm học phí và ưu tiên xét hưởng các chế độ hỗ trợ đi kèm theo quy định.

4. Chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người (Theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP)

Đối tượng: Trẻ mẫu giáo thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, La Hủ, Phù Lá, Lô Lô, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Cống...) đang học tại cơ sở giáo dục mầm non.

Mức hỗ trợ: Trẻ mẫu giáo được hưởng mức hỗ trợ bằng 30% mức lương cơ sở/trẻ/tháng.

5. Chính sách hỗ trợ học tập, ăn trưa đối với trẻ em độ tuổi 3-4 tuổi, chế độ phổ cập cho người thực hiện chế độ phổ cập (Theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP)

Đối tượng: Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 4 tuổi) đang học tại nhà trường thuộc các trường hợp:

- Có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Là con liệt sĩ, con Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh/bệnh binh.

- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

- Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng (mồ côi...).

- Trẻ em ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi, hải đảo.

Mức hỗ trợ: Tiền ăn trưa

- 360.000 đồng/trẻ/tháng
- Chi phí học tập: 150.000đ/tháng
- Người trực tiếp làm phổ cập: 960.000đ/tháng

Thời gian hưởng: Theo số tháng học thực tế, tối đa không quá 9 tháng/năm học.

Thời gian hưởng: Hưởng 9 tháng/năm học.

6. Chính sách ăn trưa đối với trẻ em nhà trẻ (Theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP)

- Có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Là con liệt sĩ, con Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh/bệnh binh.

- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

- Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng (mồ côi...).

- Trẻ em ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi, hải đảo.

Mức hỗ trợ: Tiền ăn trưa

- 360.000 đồng/trẻ/tháng
- Hỗ trợ cơ sở giáo dục mua đồ dùng học tập: 1.350.000đ/hs/năm học

Thời gian hưởng: Hưởng 9 tháng/năm học.

II. TIẾN ĐỘ VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Stt	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Bộ Phận
1	Tuyên truyền, phổ biến các Nghị định (105/2020, 238/2025,	Đầu tháng 9/2026	Ban Giám hiệu, GVCN các lớp

	277/2025, 66/2025,57/2017) và TTLT 42/2013 đến toàn thể phụ huynh trong họp họp đầu năm.		
2	Phát đơn đăng ký, hướng dẫn phụ huynh kê khai, nộp giấy tờ xác nhận (Giấy chứng nhận hộ nghèo/cận nghèo, Giấy xác nhận khuyết tật, khai sinh...).	10/9 – 25/9/2026	Ban Giám hiệu, GVCN các lớp
3	Thu nhận, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ; tổng hợp danh sách theo từng chế độ chính sách.	26/9 – 30/9/2026	Giáo viên chủ nhiệm, Kế toán
4	Họp Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách nhà trường; niêm yết công khai danh sách dự kiến tại bảng tin (tối thiểu 3-5 ngày).	Đầu tháng 10/2026	Hội đồng xét duyệt nhà trường
5	Hoàn thiện hồ sơ, lập báo cáo kèm danh sách trình Phòng VH-XH, Phòng KT xã thẩm định, phê duyệt.	Trước 15/11/2026	Hiệu trưởng
6	Tiếp nhận kinh phí được cấp, tổ chức chi trả trực tiếp/chuyển khoản cho phụ huynh học sinh (chia làm 2 đợt: Học kỳ I và Học kỳ II).	Đợt 1: 11-12/2026 Đợt 2: 4- 5/2027	Bộ phận Kế toán - Tài chính
7	Rà soát, bổ sung hồ sơ đối với các trường hợp biến động/phát sinh đối tượng vào đầu Học kỳ II.	Tháng 01/2027	GVCN, Kế toán
8	Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán kinh phí và lưu trữ toàn bộ hồ sơ sổ sách theo quy định kiểm toán.	Tháng 6/2027	Ban Giám hiệu, Kế toán

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Giám hiệu nhà trường:

- Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt các chế độ chính sách cho học sinh năm học 2026–2027.

- Chỉ đạo và giám sát chặt chẽ các khâu: tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, niêm yết công khai và chi trả kinh phí.

- Chịu trách nhiệm trước Phòng VH-XH và UBND xã Kiến Đức về tính chính xác, công khai của danh sách thụ hưởng.

2. Bộ phận Kế toán - Tài chính:

- Cung cấp các mẫu đơn, hướng dẫn chi tiết về thủ tục hồ sơ cho giáo viên chủ nhiệm.

- Tổng hợp, lập dự toán kinh phí gửi cơ quan quản lý cấp trên.

- Quản lý nguồn kinh phí, mở sổ sách theo dõi và thực hiện chi trả kịp thời, đúng đối tượng; lưu trữ hồ sơ thanh quyết toán theo luật ngân sách.

3. Giáo viên chủ nhiệm (GVCN):

- Nắm rõ hoàn cảnh từng trẻ trong lớp; chủ động phát hiện các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách.

- Hướng dẫn phụ huynh làm thủ tục chu đáo, nhận hồ sơ đúng hạn và chịu trách nhiệm về thông tin ban đầu của lớp.

4. Công tác công khai và kiểm tra, giám sát:

- Thực hiện công khai đầy đủ về đối tượng, mức hỗ trợ và danh sách được hưởng theo quy định về thực hiện dân chủ trong nhà trường.

- Mời Ban đại diện Cha mẹ học sinh cùng tham gia giám sát quá trình chi trả kinh phí cho phụ huynh.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện các chế độ, chính sách cho trẻ trong năm học 2026 – 2027. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:
- UBND xã – Phòng VH-XH;
- Hội đồng xét duyệt, GVCN (để thực hiện);
- CB,GV,NV;
- Cha mẹ học sinh
- Lưu: VT, KT

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ KIẾN ĐỨC T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Vũ Thị Hiến